

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ H CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2023/DS-PT

Ngày 20/6/2023

V/v “*Tranh chấp thừa kế, hủy văn bản phân chia di sản thừa kế, tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ H CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đỗ Đình Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/DS-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp thừa kế, hủy văn bản phân chia di sản thừa kế, tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1170/2023/QĐPT-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1947; vắng mặt.
2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1949; vắng mặt.
3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1957; vắng mặt.
4. Bà Lê Thị R, sinh năm 1965; có mặt.

Cùng cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà M, ông T: Bà Lê Thị R, sinh năm 1965; cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/3/2015); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị R: Ông Nguyễn Minh Ch là Luật sư của Văn phòng luật sư An Ch, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1980; vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Đình, xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Phạm Thị Lưu, sinh năm 1960; cư trú: Số 338 đường Quốc lộ 62 Phường 6, thành phố Tân A, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022); có mặt.

3. Bà H Thị D, sinh năm 1978; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; vắng mặt.
6. Anh H Minh Đoàn, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Diệu: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, Long An là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/02/2019); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn K, sinh năm 1951; vắng mặt.
2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1969; vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1953; vắng mặt.
4. Bà Lê Thị D, sinh năm 1953; vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Gò D, xã Bình H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Nh: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; cư trú: Số 338 đường Quốc lộ 62, phường 6, thành phố Tân A, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022); có mặt.

5. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1967; cư trú: Ấp Gò Dưa, xã Bình H, thị xã Kiến Tường, Long An; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kiều G, sinh năm 1979; cư trú: Ấp Cái C, xã Tuyên Th, huyện Mộc H, tỉnh Long An; vắng mặt.

7. Ông H Văn D, sinh năm 1971; vắng mặt.

8. Bà H Thị Mận, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Đình, xã Thanh Phước, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

9. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1947; cư trú: Ấp Đá B, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, Long An; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông B: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1968; cư trú: Ấp Đá B, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, Long An là người đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 27/8/2018); có mặt.

10. Ông H Văn O, sinh năm 1957 (c Hng bà Dung); cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An; vắng mặt.

11. Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H, tỉnh Long An; có đơn xin vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Thạnh H.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Thạnh P: Ông Nguyễn Duy Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh P là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

13. Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên: Bà Phạm Thị Hi - Trưởng Văn phòng công chứng Phạm Thị Hi người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

14. Ng hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Thạnh H.

Người đại diện hợp pháp của Ng hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Thạnh H: Ông Trần Văn N - Giám đốc Ng hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Thạnh H là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

15. Bà Lương Thị Tr, sinh năm 1962; cư trú: Ấp Ông Q, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị R là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị H, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T và bà Lê Thị R như sau:

Cụ Lê Văn S và cụ H Thị Ng là cha mẹ của các nguyên đơn, mất năm 2007. Hai cụ có 07 người con gồm: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, bà Lê Thị P, bà Lê Thị R và ông Lê Văn Kh. Lúc hai cụ Lê Văn S và cụ H Thị Ng còn sống có tạo lập được tài sản là diện tích đất 164.077m² do cụ S đứng tên giấy được cấp ngày 22/11/1997, bao gồm các thửa: 1085, 1103, 1147, 323, 267, 301, 311, 404, 466, 471, 356, 362, 367, 371, 373. Ngày 23/12/2002, cụ S có lập di chúc để lại Kàn bộ quyền sử dụng đất cho các con. Di chúc có chứng kiến của ông Lê Văn Xiếu và có xác nhận của Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) xã Thạnh P ngày 08/10/2014. Đây là tài sản chung của cụ Lê Văn S và cụ H Thị Ng.

Ngày 18/11/2005, ông Lê Văn Kh giả mạo chữ ký của cụ Sum, lập hợp đồng chuyển nhượng Kàn bộ quyền sử dụng đất từ cụ S sang cho ông Kh. Ông Kh được cấp quyền sử dụng đất toàn bộ các thửa đất trên. Ngày 20/10/2009, ông Kh chết. Bà Lương Thị Tr (vợ ông Kh) và các con ông Kh gồm: Lê Thị J, Lê Thị Ph, Lê Văn T làm thủ tục thừa kế cho bà Tr đứng tên Kàn bộ các thửa đất nêu trên. Bà Lương Thị Tr được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất 1085, 1103, 1147, 323, 267, 301, 311, 404, 466, 471, 356, 362, 367, 371, 373 và thửa 367. Sau khi đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Tr đã chuyển nhượng các thửa đất trên như sau:

Ngày 06/6/2013, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nh các thửa đất 404, tờ bản đồ (TBD) số 14, diện tích 18.951,6m²; thửa 323, TBD 14, diện tích 9.245m²; thửa 1085, TBD 10, diện tích 4.020,6m²; thửa 1103, TBD 10, diện tích 377,8m². Hợp đồng được Văn phòng công chứng Thanh H chứng thực. Ông Nguyễn Văn Nh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên vào ngày 25/6/2013. Ngày 16/8/2013, ông Nguyễn Văn Nh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H Thị D thửa đất 323, TBD số 14, diện tích 9.245m² tại Văn phòng công chứng Thanh Hóa. Bà Diêu được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 174927 thửa 323, TBD số 14, diện tích 9.245m² ngày 27/8/2013. Ngày 06/8/2013, ông Nguyễn Văn Nh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành C tại Văn phòng công chứng Thanh H, gồm các thửa: 404, 1085, 1103. Ông C được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 174739, BM 174740, BM 174741 cùng ngày 22/8/2013. Ngày 27/8/2013, Nguyễn Thành C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H Thị D tại Văn phòng công chứng Thanh H thửa: 404, TBD 14, diện tích 18.951,6m². Bà H Thị D được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 261131 ngày 16/9/2013. Ngày 07/5/2015, ông Nguyễn Thành C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D tại Văn phòng công chứng số 1 thửa 1085, TBD 10, diện tích 4.020,6m². Bà Dung được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 749587 ngày 25/5/2015 đối với thửa 1085, TBD 10, diện tích 4.020,6m². Ngày 24/6/2014, ông Nguyễn Thành C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kiều G tại Văn phòng công chứng Thanh H thửa 1103, TBD 10, diện tích 377,8m². Bà Hạnh được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 200799 ngày 10/7/2014 đối với thửa 1103, TBD 10. Ngày 17/9/2014, bà Nguyễn Thị Kiều G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H thửa 1103, TBD 10, diện tích 377,8m². Bà H được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 237581 ngày 10/10/2014 đối với thửa 1103, TBD 10, diện tích 377,8m².

Ngày 18/12/2012, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H Văn D tại UBND xã Thanh P thửa đất 466, 471, TBD số 14, tổng diện tích 23.409m². Ông H Văn D được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 166401 ngày 05/01/2013 đối với thửa 471, TBD 14, diện tích 12.837m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 166402 ngày 05/01/2013 đối với thửa 466, TBD 14, diện tích 10.572m². Ngày 25/9/2015, ông H

Văn D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D tại Văn phòng công chứng Thanh H thửa đất 466, 471, TĐĐ số 14, tổng diện tích 23.409m². Ông Nguyễn Văn D được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 615923 ngày 14/10/2015 đối với thửa 471, TĐĐ 14, diện tích 12.837m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 615924 ngày 14/10/2015 đối với thửa 466, TĐĐ 14, diện tích 10.572m².

Ngày 19/7/2014, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H tại Văn phòng công chứng Thanh H thửa đất 1147, TĐĐ số 10, diện tích 1.199m². Bà Lê Thị H được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 237852 ngày 10/10/2014 đối với thửa 1147, TĐĐ số 10, diện tích 1.199m².

Ngày 10/12/2012, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành C tại UBND xã Thanh P thửa đất 356, TĐĐ số 18, diện tích 18.252m². Ông Nguyễn Thành C được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 166409 ngày 09/01/2013 thửa đất 356, TĐĐ số 18, diện tích 18.252m².

Ngày 28/12/2012, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành C tại UBND xã Thanh P thửa đất 311, TĐĐ số 14, diện tích 9.500m². Ông Nguyễn Thành C được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 166486 ngày 09/11/2013 đối với thửa 311, TĐĐ số 14, diện tích 9.500m². Ngày 27/8/2013, ông Nguyễn Thành C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H Thị D tại Văn phòng công chứng Thanh H thửa 311, TĐĐ số 14, diện tích 9.500m². Bà H Thị D được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 261167 ngày 17/9/2013 đối với thửa 311, TĐĐ số 14, diện tích 9.500m².

Ngày 20/6/2013, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H Minh Đoàn tại UBND xã Thanh P thửa đất 267, TĐĐ số 14, diện tích 10.951m². Ông H Minh Đ được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 897515 ngày 13/7/2012 thửa đất 267, TĐĐ số 14, diện tích 10.951m². Ngày 15/6/2012, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D tại UBND xã Thanh P thửa đất 362, TĐĐ số 18, diện tích 7.751m². Bà Nguyễn Thị D được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 987482 ngày 05/7/2012. Ngày 13/12/2011, bà Lương Thị Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành C tại UBND xã Thanh P thửa đất 301, TĐĐ số 14, diện tích 21.397m². Ông Nguyễn Thành C đã được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là của cha mẹ tạo lập nhưng khi chuyển nhượng từ cha là ông S qua ông Kh (hình thức cha cho con) không có ý kiến của mẹ là bà Ng là không đúng. Chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng cũng không phải là chữ ký của ông Sum. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên: Ngày 29/5/2019 bà Lê Thị R có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020m²; thửa 356, TĐĐ số 18, diện tích 18.252m²; thửa 371, TĐĐ số 18, diện tích 34.504m².

Buộc ông Nguyễn Văn B trả lại thửa 356, TĐĐ số 18, diện tích 18.252m² và thửa 371, TĐĐ số 18, diện tích 34.504m² cho bà Lê Thị R.

Buộc bà Nguyễn Thị D trả lại thửa 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020m² cho bà Lê Thị R.

Bị đơn ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Vào ngày 13/02/2011, bà Lương Thị Tr hợp đồng chuyển nhượng cho vợ c Hng ông bà diện tích 56.001m² loại đất RTS và LUA. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất, ông C và bà Th được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận quyền sử dụng đất, ông đã san lấp, cải tạo bằng phẳng và sản xuất lúa thì phát hiện thửa 371, tờ bản đồ số 8 có diện tích 34.604m² bà Tr giao không đúng thửa đất vợ c Hng ông trích lục. Thửa đất 371, tờ bản đồ số 8 có diện tích 34.604m² bà Tr để cho bà R, bà H, ông Lê Văn K cho vợ c H Dương Văn Ổ và bà Trần Thị T thuê sản xuất. Phần đất tương đương 34.604m² bà Tr giao cho vợ c Hng ông gồm: thửa 384, 410, 449, 488 nên vợ c Hng ông yêu cầu bà Tr điều chỉnh, bà Tr đồng ý lập giấy thỏa thuận ngày 20/6/2013. Bà Tr thừa nhận 04 thửa đất trên do bà để cho anh chị của bà đứng tên đến năm 2015 sẽ làm thủ tục hoán đổi cho đúng thực tế sử dụng nhưng bà Tr không thực hiện. Sau đó, vợ c Hng ông đã chuyển nhượng Kàn bộ các thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn B.

Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vợ chồng ông không đồng ý. Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Tr là đúng, bên ông đã nhận đất và cải tạo đất. Việc đất nhầm thửa ông không có lỗi, bà Tr và các chị em bên chồng chịu trách nhiệm. Nay các nguyên đơn và bà Tr không đồng ý hoán đổi đất thì yêu cầu bà Lương Thị Tr, bà Lê Thị R, bà Lê Thị H, ông Lê Văn K trả 34.604m² đất thuộc thửa 371, TĐĐ số 18, tọa lạc xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Buộc bà Lê Thị R, Lê Thị H, Lê Thị M, Lê Văn T, Lương Thị Tr bồi thường tiền cải tạo sang lấp đất là 34.600.000đ.

Ngoài ra, do bà Tr có nợ ông và ông Nh một số tiền. Nợ ông 930.000.000đ; nợ ông Nh 720.000.000đ. Do không tiền trả nên cơ quan thi hành án đã phát mãi 4 thửa đất: Thửa 404 diện tích 18.951m²; Thửa 323 diện tích 9.245m²; Thửa 1085 diện tích 4.020m² và thửa 1103 diện tích 377m². Ông Nh nhận thi hành án thửa 404 diện tích 18.951m² còn phần ông nhận 03 thửa còn lại. Đồng thời, ông có nhận chuyển nhượng của bà Tr thửa 311, tờ bản đồ số 14 diện tích 9.500m². Sau đó, ông có chuyển nhượng cho ông Lê Văn Dội thửa 323 diện tích 9.245m²; chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị D thửa 1085 diện tích 4.020m²; chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kiều G thửa 1103 diện tích 377m².

Tại đơn ghi ngày 17/6/2019, ông C và bà Th phản tố yêu cầu bà Lê Thị R và ông Lê Văn T trả lại số tiền 60.000.000đ thu hoạch tràm của ông bà.

Yêu cầu được nhận số tiền bán tràm 40.000.000đ bị tạm giữ trường hợp công nhận đất thuộc về vợ c Hng ông bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 2015, bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th thửa đất 1085 diện tích 4.020,6m², tờ bản đồ số 10, xã Thanh Phước, Thạnh Hóa. Khi nhận chuyển nhượng, ông C, bà Th là người đứng tên quyền sử dụng đất. Thủ tục chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật và bà Dung đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 749587 ngày 25/5/2015. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà đã canh tác từ năm 2015 đến nay. Việc ông C, bà Thuý nhận chuyển nhượng đất của ai thì bà không rõ. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà không đồng ý. Vì việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngay tình và hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Ai có lỗi gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường. Trường hợp có căn cứ hủy bỏ hợp đồng, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả trong vụ án này.

Bị đơn bà H Thị D cho biết: Vào năm 2013, bà Diệu có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th thửa đất 323, diện tích 9.245m², thửa 311 diện tích 9.500m². Đồng thời bà cũng có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị D thửa 404 diện tích 18.951m² cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã Thanh Phước, huyện Thạnh Hóa. Khi nhận chuyển nhượng của ông C, bà Th cũng như của ông Nh, bà D thì những người này đứng tên quyền sử dụng đất. Thủ tục chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật và bà Diệu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 197927 ngày 27/8/2013, BM 2611167 ngày 17/9/2013 và BM 261131 ngày 16/9/2013. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà đã canh tác từ năm 2015 đến nay. Việc ông C, bà Thuý và ông Nh, bà D nhận chuyển nhượng của ai thì bà không rõ. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà không đồng ý. Vì việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngay tình và hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Ai có lỗi gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông và ông H Văn D và bà H Thị Mận có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/9/2015 các thửa đất 471, diện tích 12.837m² và 466, diện tích 10.572m² cùng tờ bản đồ số 14, tổng cộng diện tích 23.409m² đất tọa lạc tại ấp Ông Quới, xã Thanh Phước, huyện Thạnh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 166401, BM 166402 do ông D đứng tên. Giá chuyển nhượng là 514.000.000đ. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng, mục đích, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ông được UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 615923 và CB 615924 ngày 14/10/2015 và ông đã nhận đất sử dụng từ đó đến nay. Đến ngày 19/12/2016, ông mới biết đất có tranh chấp. Vì vậy, ông yêu cầu giữ nguyên quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 421 Bộ luật dân sự năm 2005, không được sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba. Trường hợp có căn cứ hủy bỏ hợp đồng, ông D yêu cầu giải quyết hậu quả trong vụ án này.

Bị đơn anh H Minh Đoàn trình bày: Vào năm 2012, anh có nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Tr thửa đất 267, diện tích 10.951m², tờ bản đồ số 14 tại xã Thanh Phước. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất, anh được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và canh tác đất từ năm 2015. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh khai: Ngày 05/12/2011, bà Tr có mượn của ông số tiền 720.000.000đ. Khi ông thừa ra Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, bà Tr đồng ý trả. Cơ quan thi hành án thi hành cho ông và ông C một lượt 04 thửa đất 323 diện tích 9.245m²; thửa 404 diện tích 18.951m²; thửa 1085 diện tích 4.020m² và thửa 1103 diện tích 377m². Ông Nh nhận thi hành án thửa 404 diện tích 18.951m², ông C nhận 3 thửa còn lại. Số tiền thi hành án là 1.200.000.000đ, phần ông được 500.000.000đ. Sau đó, ông đã chuyển nhượng thửa 404 diện tích 18.951m² cho bà H Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Thanh H có ý kiến tại văn bản 409/UBND-NC ngày 19/4/2016 như sau:

Ngày 22/11/1997, ông Lê Văn S được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 15 thửa gồm: 1085, 1103, 1147, 267, 301, 311, 323, 404, 466, 471, 356, 362, 367, 371 và 373 với tổng diện tích 164.077m² trong đó thửa 356, tờ bản đồ số 18, diện tích 18.252m² loại đất thổ RSX, địa chỉ ấp Trung, xã Thanh Phước, Thanh Hóa.

Ngày 18/11/2005, ông S lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Kàn bộ diện tích đất 164.077m² nói trên cho con là ông Lê Văn Kh, được UBND xã Thanh P chứng thực. Sau đó, UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên trong đó thửa 356 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 813258 vào ngày 26/12/2005. Năm 2009, ông Kh chết, bà Lương Thị Tr nhận thừa kế từ ông Kh 07 thửa đất gồm: 267, 1147, 373, 311, 356, 471 và 362 với tổng diện tích 63.757m² theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được phòng công chứng chứng thực số 259 ngày 12/11/2009.

Năm 2011, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 356 của bà Tr bị mất. Ngày 19/4/2012, UBND huyện Thanh H ban hành Quyết định số 1174 về việc thu Hì, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 356 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BE 884651, vào sổ CH 00836. Ngày 19/12/2012, bà Tr lập hợp đồng chuyển nhượng Kàn bộ thửa đất 356, tờ bản đồ số 18 diện tích 18.252m² cho ông Nguyễn Thành C được UBND xã chứng thực tại hợp đồng 122, quyền số 01/2012 TP /CC/-SCC/HĐGD. Ông C được UBND huyện Thanh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn với đất ở thửa 356, tờ bản đồ số 18 số BM 166409 ngày 09/01/2013.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn S và ông Lê Văn Kh được thực hiện theo Điều 164 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Do Kàn bộ quyền sử dụng đất chỉ do cá nhân cụ S đứng tên nên hợp đồng chuyển nhượng đất từ cụ S sang qua ông Kh không có chữ ký của bà H Thị Ng - vợ ông S là đúng theo quy định của pháp luật. Không có văn bản nào lúc bấy giờ quy định phải có vợ, c Hng cùng ký.

Việc bà Tr lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đã cấp cho ông C đối với thửa 1085, thửa 356, thửa 371 là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th có thể chấp các thửa đất số 301, tờ bản đồ số 14, diện tích 21.397m²; thửa 356, tờ bản đồ số 18, diện tích 18.252m²; thửa đất 371, tờ bản đồ số 8 có diện tích 34.604m² tại ấp Ông Q, xã Thạnh P vay tiền tại Ng hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Thạnh Hóa, đến hạn không có khả năng thanh Kán nên ông C và bà Th thỏa thuận chuyển nhượng Kán bộ các thửa đất trên cho ông. Ông B nộp tiền vào Ng hàng để giải chấp lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Ngày 29/6/2018, giữa ông và ông C, bà Th đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng Kán bộ các thửa đất trên giá 2.500.000.000đ. Hợp đồng được công chứng và ông B được UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2018.

Các nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông C, bà Th có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không đồng ý vì việc chuyển nhượng hoàn Kán đúng quy định của pháp luật. Thời điểm chuyển nhượng, ông C đã được cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Ông không biết đất đang có tranh chấp cũng như không có cơ quan nào ngăn chặn việc chuyển nhượng. Ông B đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông và vợ c Hng ông C. Trường hợp hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ng hàng Nông ngH và Phát triển nông thôn chi nhánh Long An có ý kiến tại Văn bản 735/ NHNo.LA-KTNB ngày 08/3/2018 như sau:

Bà Lê Thị H, bà Lê Thị M, bà Lê Thị R, ông Lê Văn T, ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Thanh Th đang vay tiền tại Agribank chi nhánh huyện Thạnh Hóa, Long An có thể chấp quyền sử dụng đất các thửa 488, 384, 410, 449, 301, 356 và 371.

Tại Văn bản số 2368/NHNo.LA-KTNB ngày 04/7/2018 Ng hàng cho biết: Vào ngày 27/6/2018, ông Nguyễn Thành C đã hoàn tất toán khoản vay và thực hiện xóa đăng ký thế chấp các thửa đất của ông C. Vì vậy, Agribank chi nhánh Long An không có yêu cầu gì đối với ông C trong vụ án “*Tranh chấp thừa kế, đòi tài sản, bồi thường thiệt hại, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*”, giữa các nguyên đơn và ông C, bà Th.

Đối với các tranh chấp liên quan đến thửa đất nguyên đơn Lê Thị H, Lê Thị M, Lê Thị R yêu cầu: Agribank chi nhánh Long An và các bà Lê Thị H, Lê Thị M, Lê Thị R có ký kết hợp đồng tín dụng, cho vay có đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản quyền sử dụng đất do UBND huyện Thạnh H cấp. Hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay các “món vay” trên chưa đến hạn nên Agribank chi nhánh huyện Thạnh H không khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết trên cơ sở đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của Ng hàng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Ng hàng không đồng ý do các thửa đất đang được thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện Thạnh H để

bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ng hàng. Trường hợp Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến các thửa đất trên, đề nghị Ng hàng được ưu tiên thanh Kán, để việc thu Hi nợ được đầy đủ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Tr trình bày: Bà là vợ ông Kh. Khi ông Kh chết, bà nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Kh. Hợp đồng tặng cho giữa cụ S và ông Kh thật giả bà không biết. Bà cũng bị người khác lừa nên bà phải bị tù tội. Đối với thửa 1085 do bà bị nợ qua gợi ý, bà chuyển nhượng đất để trừ nợ. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho ông C và ông Nh là đúng nhưng bà không nhận tiền. Việc tranh chấp của các nguyên đơn bà không có ý kiến hay tranh luận gì.

Tại bản án dân sự số 67/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 5, Điều 34, Điều 227 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Áp dụng Điều 219, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 116, Điều 118, Điều 119, Điều 122, Điều 133, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Công văn số 64/TANDTC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Tranh chấp thừa kế” và “Đòi tài sản”.

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Tranh chấp thừa kế”, “Đòi tài sản”.

2. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và “hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Nh và bà H Thị D đối với thửa đất số 323, tờ bản đồ (TBD) số 14, diện tích (DT) là: 9.245m²; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BM 174927 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thạnh H cấp cho bà H Thị D vào ngày 27/08/2013 đối với thửa đất số 323, TBD số 14, DT: 9.245m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 27/08/2013, giữa: ông Nguyễn Thành C và bà H Thị D đối với thửa đất số 404, TBD số 14, DT là: 18.951,6m². Và giấy CNQSD đất số BM 261131 do UBND huyện Thạnh H cấp cho

bà H Thị D vào ngày 16/09/2013 đối với thửa đất số 404, TĐĐ số 14, diện tích 18.951,6m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/9/2014, giữa: bà Nguyễn Thị Kiều G với bà Lê Thị H đối với thửa đất số 1103, TĐĐ số 10, diện tích 377,8m²; Và giấy CN QSD đất số BS 237851 do UBND huyện Thanh H cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 10/10/2014 đối với thửa đất số 1103, TĐĐ số 10, diện tích 377,8m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/12/2011, giữa bà Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 301, TĐĐ số 14, diện tích 21.397m²

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/6/2012, giữa bà Lương Thị Tr với ông H Minh Đ đối với thửa đất số 267, TĐĐ số 14, diện tích 10.951m². Và giấy CN QSD đất số BE 987515 do UBND huyện Thanh H cấp cho ông H Minh Đ vào ngày 13/7/2012 đối với thửa đất số 267, TĐĐ số 14, diện tích 10.951m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/2012, bà Lương Thị Tr với bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 362, TĐĐ số 18, diện tích 7.751m². Và giấy CN QSD đất số BE 987482 do UBND huyện Thanh H cấp cho bà Nguyễn Thị D vào ngày 05/7/2012 đối với thửa đất số 362, TĐĐ số 18, diện tích 7.751m².

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hình thức cha cho con) ngày 18/11/2005 giữa ông Lê Văn S với ông Lê Văn Kh đối với phần đất thuộc các thửa đất số 1085, 356, 371 tọa lạc ấp Ông Q, xã Thanh P, huyện Thanh H, tỉnh Long An; Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H về việc hủy văn bản phân chia chia di sản thừa kế ngày 12/11/2009, ngày 31/10/2012 và biên bản họp gia đình ngày 29/11/2011.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn B về việc “hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

4.1. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/05/2015, giữa ông Nguyễn Thành C với bà Nguyễn Thị D được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Long An đối với thửa đất số 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020,6m². Không hủy giấy chứng nhận QSD đất số BX 749587 do UBND huyện Thanh H cấp cho bà Nguyễn Thị D vào ngày 25/05/2015 đối với thửa đất số 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020,6m².

4.2. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 10/12/2012, giữa bà Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C thửa đất số 356, TĐĐ số 18, DT là: 18.252m² do Ủy ban nhân dân xã Thanh P chứng thực. Không hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông C đối với thửa đất trên.

4.3. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 13/12/2011, giữa Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 371, TĐĐ số 18, diện tích

là 34.604m² do Ủy ban nhân dân xã Thạnh P chứng thực. Không hủy giấy chứng nhận QSD đã cấp cho ông C đối với thửa đất trên.

4.4. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất do Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiền chứng thực số 5851, quyền số 06 ngày 29/6/2018, giữa ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Thanh Th với ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 356, diện tích 18.252m²; thửa 371 diện tích 34.604m² cùng tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Ông Quới, xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa.

4.5. Giữ nguyên nội dung điều chỉnh người sử dụng đất từ ông Nguyễn Thành C sang ông Nguyễn Văn B trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 356, 371.

5. Ghi nhận việc tạm thời bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H không yêu cầu bà Lương Thị Tr (và các con) hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất khi không hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn K, bà Lê Thị P được quyền khởi kiện “Đòi tài sản” và “Tranh chấp thừa kế” theo quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc “yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu bà Lê Thị R và ông Lê Văn T bồi thường thiệt hại 60.000.000đ tiền thu hoạch tràm của ông bà.

7. Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th được sở hữu và nhận số tiền 40.000.000đ cùng lãi suất (nếu có) tại Kho bạc huyện Thạnh Hóa.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2017/QĐ-BPKCTT về việc “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định”.

8. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn B về việc “yêu cầu bồi thường thiệt hại” do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B buộc các nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đ do việc chuyển nhượng bị ngăn chặn ông bị trả cọc và phạt cọc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022 bà Lê Thị R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà R giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị R là ông Nguyễn Minh Ch trình bày: Tôi cho rằng Tòa cấp sơ thẩm căn cứ Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo người thứ ba ngay tình từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ vì: Các thửa đất đang tranh chấp trên thực tế do nguyên đơn canh tác trồng lúa từ năm 1978 và nguồn gốc được cha mẹ cho, cho đến năm

2018 thì bà Tr chưa hề canh tác trên 03 thửa đất này nên không có chuyện bà Tr chuyển cho ông Nh và từ ông Nh chuyển cho ông C. Đối với thửa 371, 356 bà Tr chuyển nhượng cho ông C vào ngày 10/12/2012 và ngày 13/12/2011 thì khi chuyển nhượng các thửa đất này thì bà R và các nguyên đơn vẫn đang canh tác đất nên bà Tr không thể giao đất cho ông C được. Đến ngày 29/6/2018 thì ông C mới chuyển nhượng cho ông B, lúc ông C chuyển nhượng cho ông B thì các thửa đất này không đủ điều kiện chuyển nhượng vì đất đang tranh chấp. Việc chuyển nhượng này cũng chỉ trên giấy tờ chứ không có việc giao đất trên thực tế. Đến năm 2021, khi các thửa đất trên đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông B mới lần đất và sử dụng cũng bị lập biên bản nên không thể xem là đất ông B được sử dụng ngay tình được. Còn riêng đối với thửa 1085 ông Nh cho rằng ông được chuyển nhượng thông qua cơ quan thi hành án, thì tuy nhiên trong H sơ chuyển nhượng thì ông Nh được chuyển nhượng từ bà Tr chỉ trên giấy tờ chứ cũng không được giao nhận thực thể, sau đó ông Nh chuyển nhượng cho ông C và ông C chuyển nhượng cho bà Dung. Thực tế, 03 thửa đất này người mua sử dụng từ 2021 và vẫn đang sử dụng. Từ những chứng cứ đã trình bày, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Thành C và ông Nguyễn Văn Nh là bà Phạm Thị Lưu trình bày: Ông C và ông Nh nhận chuyển nhượng 03 thửa đất trên từ bà Tr là hợp pháp vì 03 thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B là ông Nguyễn Tấn H trình bày: Như đã trình bày ở trên thì ông B đã mua các thửa đất của ông C, bà Th từ năm 2018, ông không đồng ý sử dụng mua các thửa đất từ năm 2021.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định; về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị R: quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Svà cụ Ng; khi chuyển nhượng đất cụ Ng không có ý kiến là chưa phù hợp, nên nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng là có cơ sở. Tuy nhiên, đất ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn B đã nhận chuyển nhượng ngay tình hợp pháp và đã được cấp giấy CNQSDĐ, nên việc bà Lê Thị R yêu cầu hủy Hợp đồng CNQSDĐ các thửa đất 1085, 356, 371, từ bà Tr và hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn B là không phù hợp, nên không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị R, buộc ông Nguyễn Văn B trả lại thửa 356, diện tích 18.252m², thửa 371, diện tích 34.504m² và buộc bà Nguyễn Thị D trả lại thửa 1085, diện tích 4.020m² cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị bác đơn kháng cáo của bà Lê Thị R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ vụ án được xem xét tại phiên Kà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Kà, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của bà Lê Thị R đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, về việc “*Tranh chấp thừa kế, hủy văn bản phân chia di sản thừa kế, tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Lê Thị R là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp tài sản thừa kế, đòi tài sản, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết các yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp. Bà Lê Thị R xác định chỉ yêu cầu tòa án giải quyết các thửa đất 1085, 356, 371, tọa lạc tại ấp Ông Quới, xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, có liên quan đến văn bản phân chia di sản thừa kế, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả lại thửa 356, tờ bản đồ số 18, diện tích 18.252m² và thửa 371, tờ bản đồ số 18, diện tích 34.504m² và bà Nguyễn Thị D trả lại thửa 1085, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.020m² cho nguyên đơn. Do đó, Kà án cấp sơ thẩm giải quyết “*Tranh chấp hủy văn bản phân chia di sản thừa kế, đòi quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” có liên quan đến các thửa đất 1085, 356, 371 là phù hợp.

[2]. Cụ Lê Văn Svà cụ H Thị Ng (chết), có 07 người con gồm: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, bà Lê Thị P, bà Lê Thị R và ông Lê Văn Kh; cụ Lê Văn Svà cụ H Thị Ng tạo lập được tài sản diện tích 164.077m² đất, gồm các thửa 1085, 356, 371, 1103, 1147, 323, 267, 301, 311, 404, 466, 471, 362, 367, 373; được UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay viết tắt là CNQSDĐ) ngày 22/11/1997 đứng tên cụ Lê Văn S(BL: 1635).

[3]. Theo hợp đồng CNQSDĐ ngày 18/11/2005, cụ Lê Văn S chuyển nhượng thửa 1085, 356, 371 cho con là ông Lê Văn Kh, được UBND xã Thạnh P chứng thực; UBND huyện Thạnh H cấp giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất 1085, 356, 371 ngày 26/12/2005 cho ông Lê Văn Kh (BL: 1644,).

[4]. Ngày 20/10/2009, ông Lê Văn Kh chết, bà Lương Thị Tr là vợ của ông Kh làm thủ tục nhận thừa kế; ngày 17/11/2011 UBND huyện Thạnh H cấp giấy CNQSDĐ thửa đất 371, đứng tên bà Lương Thị Tr (BL: 1638); ngày 19/4/2012 UBND huyện Thạnh H cấp giấy CNQSDĐ thửa đất 356, đứng tên bà Lương Thị Tr (BL: 1636); ngày 05/6/2013 UBND huyện Thạnh H cấp giấy CNQSDĐ thửa đất 1085, đứng tên bà Lương Thị Tr (BL: 820).

[5]. Thửa đất 1085, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.020m² bà Nguyễn Thị D được UBND huyện Thạnh Hoá cấp Giấy CNQSDĐ, do bà Dung nhận chuyển nhượng từ ông C, trên cơ sở ông C nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Nh, do ông Nh nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Tr ngày 06/6/2013 (BL: 884, 877), để thi hành án do bà Tr nợ ông Nh. Thửa đất 356, tờ bản đồ số 18, diện tích 18.252m², ngày 10/12/2012 bà Lương Thị Tr chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành C; đến ngày 09/11/2013, ông C được cấp Giấy CNQSDĐ (BL: 1629, 1328). Thửa đất 371, tờ bản đồ số 18, diện tích 34.604m², ngày 13/12/2011 bà Lương Thị Tr chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành C; đến ngày 27/12/2011 ông C được cấp Giấy CNQSDĐ (BL: 1301, 1285); ngày 29/6/2018, ông C chuyển nhượng thửa đất 371 cho ông Nguyễn

Văn B và ông B được cấp Giấy CNQSDĐ. Việc chuyển nhượng giữa các bên là hợp pháp, đúng pháp luật.

[6]. Tại cấp sơ thẩm, bà Lương Thị Tr khai nhận hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Lê Văn Svà ông Lê Văn Kh thật hay giả bà Tr không biết, sau khi ông Lê Văn Kh chết bà Lương Thị Tr làm thủ tục thừa kế và được cấp giấy CNQSDĐ; sau khi được cấp giấy CNQSDĐ bà Lương Thị Tr chuyển nhượng các thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn Nh (để thi hành án) và ông Nguyễn Thành C từ năm 2012 - 2013, trước khi nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Kà án. Hiện nay, các thửa đất 1085, 356, 371 đã được cấp Giấy CNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D là ngay tình, hợp pháp theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy hợp đồng chuyển nhượng và trả các thửa đất trên cho nguyên đơn là phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 64/TANDTC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[7]. Nguyên đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế, nên dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu, theo quy định của pháp luật, nên chỉnh sửa cách tuyên cho phù hợp.

[8]. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác đơn kháng cáo của bà Lê Thị R, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Lê Thị R phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án; nhưng do bà Lê Thị R là người cao tuổi được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị R; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An như sau:

Căn cứ các Điều 26, Điều 5, Điều 34, Điều 227 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 116, Điều 118, Điều 119, Điều 122, Điều 133, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Công văn số 64/TANDTC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Tranh chấp thừa kế” và “Đòi tài sản”.

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Tranh chấp thừa kế”, “Đòi tài sản”.

2. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và “hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H do bà Lê Thị R đại diện về việc “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Nh và bà H Thị D đối với thửa đất số 323, tờ bản đồ (TBD) số 14, diện tích (DT) là: 9.245m²; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BM 174927 do UBND huyện Thanh Hấp cấp cho bà H Thị D vào ngày 27/08/2013 đối với thửa đất số 323, TBD số 14, DT: 9.245m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/08/2013, giữa: ông Nguyễn Thành C và bà H Thị D đối với thửa đất số 404, TBD số 14, DT là: 18.951,6m². Và giấy CNQSD đất số BM 261131 do UBND huyện Thanh Hấp cấp cho bà H Thị D vào ngày 16/09/2013 đối với thửa đất số 404, TBD số 14, diện tích 18.951,6m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/9/2014, giữa: bà Nguyễn Thị Kiều G với bà Lê Thị H đối với thửa đất số 1103, TBD số 10, diện tích 377,8m²; Và giấy CNQSD đất số BS 237851 do UBND huyện Thanh Hấp cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 10/10/2014 đối với thửa đất số 1103, TBD số 10, diện tích 377,8m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/12/2011, giữa bà Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 301, TBD số 14, diện tích 21.397m²

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/6/2012, giữa bà Lương Thị Tr với ông H Minh Đoàn đối với thửa đất số 267, TBD số 14, diện tích 10.951m². Và giấy CNQSD đất số BE 987515 do UBND huyện Thanh Hấp cấp cho ông H Minh Đoàn vào ngày 13/7/2012 đối với thửa đất số 267, TBD số 14, diện tích 10.951m².

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/2012, bà Lương Thị Tr với bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 362, TBD số 18, diện tích 7.751m². Và giấy CNQSD đất số BE 987482 do UBND huyện Thanh Hấp cấp cho bà Nguyễn Thị D vào ngày 05/7/2012 đối với thửa đất số 362, TBD số 18, diện tích 7.751m².

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hình thức cha cho con) ngày 18/11/2005 giữa ông Lê Văn Svới ông Lê Văn Kh đối với phần đất thuộc các thửa đất số 1085, 356, 371 tọa lạc ấp Ông Quới, xã Thanh Phước,

huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An; Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H về việc hủy văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 12/11/2009, ngày 31/10/2012 và biên bản họp gia đình ngày 29/11/2011.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn B về việc “hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

4.1. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/05/2015, giữa ông Nguyễn Thành C với bà Nguyễn Thị D được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Long An đối với thửa đất số 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020,6m². Không hủy giấy chứng nhận QSD đất số BX 749587 do UBND huyện Thanh H cấp cho bà Nguyễn Thị D vào ngày 25/05/2015 đối với thửa đất số 1085, TĐĐ số 10, diện tích 4.020,6m².

4.2. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 10/12/2012, giữa bà Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C thửa đất số 356, TĐĐ số 18, DT là: 18.252m² do Ủy ban nhân dân xã Thanh Pchúng thực. Không hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông C đối với thửa đất trên.

4.3. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 13/12/2011, giữa Lương Thị Tr với ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 371, TĐĐ số 18, diện tích là 34.604m² do Ủy ban nhân dân xã Thanh Pchúng thực. Không hủy giấy chứng nhận QSD đã cấp cho ông C đối với thửa đất trên.

4.4. Không hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất do Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiền chứng thực số 5851, quyển số 06 ngày 29/6/2018, giữa ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Thanh Th với ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 356, diện tích 18.252m²; thửa 371 diện tích 34.604m² cùng tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp Ông Quới, xã Thanh Phước, huyện Thanh Hóa.

4.5. Giữ nguyên nội dung điều chỉnh người sử dụng đất từ ông Nguyễn Thành C sang ông Nguyễn Văn B trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thành C đối với thửa đất số 356, 371.

5. Dành quyền cho bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, ông Lê Văn K, bà Lê Thị P được quyền khởi kiện “Tranh chấp thừa kế” theo quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu bà Lê Thị R và ông Lê Văn T bồi thường thiệt hại 60.000.000đ tiền thu hoạch tràm của ông bà.

7. Ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th được sở hữu và nhận số tiền 40.000.000đ cùng lãi suất (nếu có) tại Kho bạc huyện Thanh Hóa.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2017/QĐ-BPKCTT về việc “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định”.

8. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn B về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại” do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B buộc các nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đ do việc chuyển nhượng bị ngăn chặn ông bị trả cọc và phạt cọc.

9. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: các nguyên đơn phải chịu, đã nộp xong.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn tiền án phí cho các nguyên đơn bà Lê Thị R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị R 300.000đ, theo biên lai thu số 0009948 ngày 06/11/2017 và 300.000đ, theo biên lai thu số 0001491 ngày 24/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị R 3.300.000đ, theo các biên lai thu số 0000913, 0000914, 0000915, 0000916, 0000917, 0000918, 0000919, 0000920, 0000921, 0000922, 0000923 cùng ngày 30/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị R 200.000đ, theo biên lai thu số 0003311 ngày 17/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị R 353.250đ, theo biên lai thu số 0003023 ngày 05/5/2015 và 200.000đ, theo biên lai thu số 0003024 ngày 05/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị M 689.000đ, theo biên lai thu số 0003021 ngày 05/5/2015 và 200.000đ, theo biên lai thu số 0003022 ngày 05/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị H 200.000đ, theo biên lai thu số 0003019 ngày 05/5/2015 và 697.000đ, theo biên lai thu số 0003020 ngày 05/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa;

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh Th 200.000đ, theo biên lai thu số 0003064 ngày 03/6/2015 và 265.000đ, theo biên lai thu số 0003065 ngày 05/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa;

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B 3.750.000đ, theo biên lai thu số 0000080 ngày 0/26/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị R được miễn.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh Võ Văn Khoa

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSNDCC tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Đương sự;
- Lưu VP (5), NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

